

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **86/2018/HSST**

Ngày: **30/11/2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thành Hưng**

2. Ông **Nguyễn Văn Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** - là thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa: Ông **Lê Thanh Thiện** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2018/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXXT-HS ngày 05/11/2018 đối với các bị cáo:

Lý Quốc C (LB). Sinh năm: 1987. ĐKTT: 158/49C đường P, phường AL, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý H (chết) và bà: Nguyễn Thị O (sống); vợ: Trần Thị Ngọc M; có 01 con sinh năm 2013; tiền án: 03 lần:

+ Ngày 12/5/2005 bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/10/2006, chưa đóng án phí.

+ Ngày 14/12/2007 bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Ngày 18/12/2007 bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt là 05 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2012, chưa đóng án phí.

- Tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Ngọc Ch. Sinh năm: 1984. ĐKTT: 9H/1A đường MT, phường XK, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H (sống) và bà: Lý Thị R (sống); vợ: Nguyễn Thị Hồng N; có 02 con: lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: 01 lần: ngày 01/11/2017, bị Công an quận N, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, đã nộp phạt xong ngày 29/11/2017. Nhân thân: ngày 28/11/2005 bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xử phạt 08 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh **Phạm Phú Đ**; sinh năm: 1990. Địa chỉ: tổ S, Khu vực C, phường HP, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Lê Thị Mộng T**; sinh năm: 1984. Địa chỉ: Số 3, đường T, phường CK, quận N, thành phố Cần Thơ. (Địa chỉ liên hệ: Cửa hàng điện thoại AT, 108 đường MT, phường AH, quận N, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

- Anh **Phạm Minh L**; sinh năm: 1991. Địa chỉ: 288/76 Khu vực TM, phường TL, quận O, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị O**; sinh năm: 1961. Địa chỉ: 158/49C đường P, phường AL, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người làm chứng: Chị **Nguyễn Trang Phương Tr**; sinh năm: 1987. Địa chỉ: tổ S Khu vực C, phường HP, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận C truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 18/7/2018, Nguyễn Ngọc Ch điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 65E1-30257 chở Lý Quốc C đi từ Xóm Chài thuộc phường HP, quận C, thành phố Cần Thơ về nhà của Ch ngụ tại quận N. Khi đến trước nhà anh Phạm Phú Đ tại Số 6, tổ S, Khu vực C, phường HP, quận C, thành phố Cần Thơ, C phát hiện trên bàn trong nhà có 01 laptop màu đen đang sạc pin, không người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C kêu Ch đứng đợi để C vào lấy laptop, Ch đồng ý và đứng ngoài xe cảnh giới để C đi vào lấy laptop rồi cả hai về nhà Ch ở quận N, thành phố Cần Thơ.

Ch đem laptop bán cho Lê Thị Mộng T ở cửa hàng điện thoại AT, số 108 đường MT, quận N, thành phố Cần Thơ được **1.800.000đ**, Ch chia cho C **900.000đ**, còn lại Ch tiêu xài.

Khi bị lấy trộm laptop, anh Đ phát hiện và truy đuổi theo đối tượng nhưng không kịp đối tượng nên trình báo Công an phường HP, đồng thời cung cấp nội dung camera ghi nhận hình ảnh đối tượng.

Đến ngày 19/7/2018, lực lượng Công an phường HP phát hiện Ch và C có đặc điểm nhận dạng giống đối tượng lấy trộm laptop của anh Đ nên đã mời về làm việc, đồng thời thu giữ: 01 nón bảo hiểm có chữ Trach màu xanh; 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider biển kiểm soát 65E1-302.57; 01 điện thoại di động có chữ GiGi màu xanh đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen trắng; 01 áo thun dài tay sọc đen- trắng; 01 quần short màu xám nhãn hiệu Levi's.

Tại Cơ quan điều tra, Ch và C đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Chị Lê Thị Mộng T giao nộp 01 laptop hiệu Asus màu đen, model: X452L và yêu cầu bồi thường **1.800.000đ**.

Theo kết luận định giá tài sản, Laptop Asus X452L trị giá **3.000.000đ**.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận C đã trả lại Laptop cho chủ sở hữu là anh Phạm Phú Đ; trả lại xe mô tô cho bà Nguyễn Thị O.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKS-CR ngày 16/10/2018 Viện kiểm sát nhân dân quận C đã truy tố Lý Quốc C về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Ngọc Ch về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu kết luận vụ án:

- Vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản luật đã viện dẫn.

- Xét thấy, trong vụ án này, bị cáo C và Ch là đồng phạm nhưng không có sự bàn bạc và phân công vai trò trước khi thực hiện hành vi phạm tội.

+ **Đối với bị cáo C:** với vai trò khởi xướng và thực hiện hành vi lấy trộm tài sản. Xét thấy, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tuy nhiên, bản thân bị cáo có 03 tiền án, chưa được xóa án tích do chưa nộp án phí. Việc Cơ quan Thi hành án dân sự quận N không ra quyết định thi hành án phần án phí đối với bị cáo C là do bị cáo không có nơi cư trú ổn định; ngoài ra, bị cáo C khi được nghe tuyên án thì bị cáo đã biết được nghĩa vụ phải nộp án phí và bị cáo phải có trách nhiệm phải nộp án phí nhưng do bị cáo không chí thú làm ăn để kiếm tiền chấp hành nghĩa vụ nộp án phí do đó việc xác định bị cáo chưa được xóa án tích và bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là chính xác. Từ những phân tích trên, đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

+ **Đối với bị cáo Ch:** là người đứng canh đường và đem laptop đi tiêu thụ. Tuy nhiên, bị cáo Ch thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; về nhân thân có 01 tiền án về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và 01 tiền sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ch từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Phạm Phú Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Chị Lê Thị Mộng T có yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền **1.800.000đ**. Xét thấy, bị cáo Ch bán Laptop cho chị T được **1.800.000đ**, chị T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có và chị T đã giao nộp Laptop cho Cơ quan Điều tra để trả lại tài sản cho bị hại nên yêu cầu của chị T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị T số tiền **1.800.000đ**.

Về vật chứng: đề nghị công nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra đã trả lại Laptop cho chủ sở hữu là anh Phạm Phú Đ; trả lại xe mô tô cho bà Nguyễn Thị O.

01 điện thoại di động có chữ GiGi màu xanh đen của bị cáo Ch: không liên quan tội phạm nên đề nghị trả lại cho bị cáo Ch.

01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen trắng của bị cáo C: không liên quan tội phạm nên đề nghị trả lại cho bị cáo C.

01 nón bảo hiểm có chữ Trach màu xanh; 01 áo thun dài tay sọc đen – trắng; 01 quần short màu xám nhãn hiệu Levi's của bị cáo C đề nghị trả lại cho bị cáo C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo C và bị cáo Ch tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của bị hại là anh Phạm Phú Đ, lời khai của người làm chứng tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, xét thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi bị cáo Lý Quốc C, Nguyễn Ngọc Ch lén lút lấy trộm chiếc Laptop Asus X452L của anh Phạm Phú Đ, trị giá **3.000.000đ** của anh Phạm Phú Đ vào ngày 18/7/2018 tại Khu vực C, phường HP, quận C, thành phố Cần Thơ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, C và Ch với vai trò đồng phạm; tuy nhiên, hành vi trộm cắp của các bị cáo xuất phát từ khi các bị cáo đang dừng xe trước cửa nhà của anh Đ để trú mưa trước, các bị cáo không có bàn bạc, phân công vai trò nhiệm vụ trước nên các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Ngoài ra, đối với bị cáo C, về nhân thân, bị cáo có 03 tiền án gồm:

1/ Năm **2005** bị Tòa N xử phạt 02 năm tù về tội Cướp giật tài sản, chưa nộp án phí.

2/ Ngày **14/12/2007** bị Tòa N xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy

3/ Ngày **18/12/2007** bị Tòa N xử 02 năm 06 tháng về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 05 năm 06 tháng, chấp hành xong hình phạt tù **27/10/2012**, chưa nộp án phí.

Tuy nhiên, theo xác minh thì bị cáo C chưa thi hành án án phí 03 bản án trên và Cơ quan Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ có nhận bản án nhưng do bị cáo C không xác định chỗ ở nên Cơ quan Thi hành án **không thụ lý và không ra quyết định thi hành án** đối với tiền án phí phải thi hành; còn tiền bồi thường thì Cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án theo yêu cầu của người đương sự, tuy nhiên người yêu cầu đã tự nguyện rút đơn yêu cầu thi hành án nên Cơ quan Thi hành án dân sự quận N đã ra quyết định đình chỉ thi hành án.

Xét thấy, bị cáo C bị tuyên án theo Bản án số 91/HSST ngày **12/5/2005**; Bản án số 219/HSST ngày **14/12/2007** và Bản án số 220/HSST ngày **18/12/2007** của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ nên phần thi hành án về trách nhiệm dân sự và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước áp dụng Pháp lệnh thi hành án dân sự 2004 và Luật Thi hành án dân sự năm 2008:

- *Đối với tiền bồi thường cho bị hại*: Người yêu cầu đã tự nguyện rút đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án đã ra quyết định đình chỉ và cho đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án nên bị cáo không còn nghĩa vụ thi hành phần này.

- *Đối với ra quyết định thi hành án về án phí* : Tòa án phải có trách nhiệm gửi bản án trong hạn **30 ngày** kể từ ngày bản án có hiệu lực cho Cơ quan thi hành án (Điều 19 Pháp lệnh Thi hành án dân sự)

+ Trong **05** ngày làm việc thì Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án phải ra chủ động ra quyết định thi hành án về án phí.

+ Hết hạn **05 năm** kể từ ngày ra quyết định thi hành án đối với khoản án phí không có giá ngạch, nếu người phải thi hành án không có tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành thì có thể được **xét miễn giảm nghĩa vụ thi hành án** (Điều 32 Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 (Điều 60 Luật Thi hành án dân sự).

Như vậy, việc Cơ quan Thi hành án không thụ lý và không ra quyết định thi hành án **là lỗi của cơ quan tổ tụng**. Nếu có quyết định thi hành án về án phí, tính đến **năm 2014** thì bị cáo cũng có thể được xem xét miễn giảm theo thủ tục.

Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này là **năm 2018**, thì đã hết thời hạn để bị cáo thực hiện nghĩa vụ thi hành án về phần bồi thường (do người được thi hành án không có đơn yêu cầu thi hành án nên hết thời hiệu yêu cầu) cũng như về án phí cũng có thể được xem xét miễn thực hiện nghĩa vụ nên theo **nguyên tắc có lợi cho bị cáo** thì bị cáo C không được tính là còn án tích đối với các bản án

năm 2005 và năm 2007 nên không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận C cho rằng bị cáo C còn án tích đối với các bản án trên nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và truy tố bị cáo C theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là không chính xác. Hành vi của bị cáo C và bị cáo Ch thực hiện, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Tòa án xét xử bị cáo C theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét thấy, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Các bị cáo đã trưởng thành, đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Các bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười biếng lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội, cho thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù để giáo dục, cải tạo cho các bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo C và bị cáo Ch đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo C và bị cáo Ch là đồng phạm. Tuy nhiên, đây chỉ là đồng phạm giản đơn, cả hai không sự phân công vai trò cũng như không có bàn bạc trước kế hoạch thực hiện tội phạm. Bị cáo C với vai trò là người khởi xướng và thực hiện tội phạm; bị cáo Ch với vai trò đứng canh đường và đem tài sản đi tiêu thụ. Về nhân thân, bị cáo C có 03 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản và tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo Ch có 01 tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy và 01 tiền sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, cần có một mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại là anh Phạm Phú Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không giải quyết.

Chị Lê Thị Mộng T có yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền **1.800.000đ**. Xét thấy, bị cáo Ch bán Laptop cho chị T được **1.800.000đ**, chị T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có và chị T đã giao nộp Laptop cho Cơ quan Điều tra để trả lại cho bị hại nên yêu cầu của chị T là có cơ sở, cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho chị T số tiền **1.800.000đ**, cụ thể bị cáo C phải bồi thường **900.000đ**, bị cáo Ch phải bồi thường **900.000đ**.

[7] **Về vật chứng:** Cơ quan Điều tra đã trả lại cho Laptop cho bị hại là anh Phạm Phú Đ nên công nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan Điều tra.

Xe Mô tô Suzuki Raider biển số 65E1-302.57 do anh Phạm Minh L đứng tên giấy đăng ký xe, anh L đã bán lại cho người khác và bà Nguyễn Thị O là mẹ của bị cáo C đã mua lại tại cửa hàng Chăm đồ nhưng chưa sang tên. Do bị cáo sử dụng xe để thực hiện tội phạm, bà O không biết nên cơ quan Điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại xe cho bà O là phù hợp nên công nhận.

01 điện thoại di động có chữ GiGi màu xanh đen của bị cáo Ch: không liên quan tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo Ch.

01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen trắng của bị cáo C: không liên quan tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo C.

01 nón bảo hiểm có chữ Trach màu xanh; 01 áo thun dài tay sọc đen – trắng; 01 quần short màu xám nhãn hiệu Levi's của bị cáo C nên cần trả lại cho bị cáo C.

[8] **Về án phí:** Mỗi Bị cáo phải chịu **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm và **300.000đ** án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo; bị hại và đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Lý Quốc C (LB) và Nguyễn Ngọc Ch phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

1.1 Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 19, Điều 32 Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004; Điều 60 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Xử phạt: Lý Quốc C (LB) 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ khi bị cáo chấp hành án.

1.2 Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Ngọc Ch 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ khi bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Bị hại là anh Phạm Phú Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không giải quyết.

Buộc bị cáo Lý Quốc C và Nguyễn Ngọc Ch phải bồi thường cho chị Lê Thị Mộng T số tiền **1.800.000đ** (Một triệu tám trăm ngàn đồng); cụ thể, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị T **900.000đ** (Chín trăm ngàn đồng).

Kể từ khi chị Lê Thị Mộng T có đơn yêu cầu thi hành án, Lý Quốc C và Nguyễn Ngọc Ch còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

3.1 Công nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan Điều tra: đã trả lại cho Laptop cho bị hại là anh Phạm Phú Đ và trả lại Xe Mô tô Suzuki Raider biển số 65E1-302.57 cho bà Nguyễn Thị O.

3.2 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Ch: 01 điện thoại di động có chữ GiGi màu xanh đen.

3.3 Trả lại cho bị cáo Lý Quốc C: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen trắng; 01 nón bảo hiểm có chữ Trach màu xanh; 01 áo thun dài tay sọc đen – trắng; 01 quần short màu xám nhãn hiệu Levi's.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí;

Mỗi Bị cáo phải chịu **200.000đ** (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản sao bản án đối với bị hại và đương sự vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo, bị hại và đương sự có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Trại giam, Công an Q. C.
- Cơ quan Thi hành án.
- Bị cáo.
- Các đương sự.

Nguyễn Thị Thùy Trang